

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ

NGUYỄN THANH MINH. ***Quá trình triển khai chính sách về biển của Việt Nam từ năm 1986 đến năm 2010***

Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam cận đại và hiện đại

Mã số: 62 22 54 05

Biển và đại dương chứa một lượng lớn nguồn tài nguyên thiên nhiên sinh vật và phi sinh vật đa dạng, phong phú. Biển còn là tuyến đường giao thông quan trọng, không phải tốn đầu tư và chi phí nhiều như đường bộ, đường sắt và đường hàng không. Để khai thác biển một cách có hiệu quả, các quốc gia có lãnh hải (quốc gia biển) đã tiến hành xây dựng và triển khai chính sách quốc gia về biển trên nhiều lĩnh vực như an ninh-quốc phòng trên biển, phát triển kinh tế biển, hợp tác quốc tế về biển, phân định biển...

Đối với Việt Nam, biển và hải đảo là một bộ phận cấu thành lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc. Cùng với đất liền, biển và hải đảo đã tạo ra môi trường sinh tồn và phát triển kinh tế của quốc gia. Vì vậy, việc xây dựng và triển khai chính sách về biển để quản lý biển, phát triển kinh tế biển, bảo vệ những quyền lợi từ biển là vấn đề có ý nghĩa quan trọng đối với nhiệm vụ bảo vệ toàn vẹn chủ quyền biển đảo của Tổ quốc. Với lý do đó, tác giả đã lựa chọn vấn đề *Quá trình triển khai chính sách về biển của Việt Nam từ năm 1986 đến năm 2010* cho luận án của mình.

Ngoài phần mở đầu và chương 1 tổng quan tình hình nghiên cứu, phần kết luận và tài liệu tham khảo, nội dung

chính của luận án được trình bày trong 3 chương (chương 2-4).

Ở chương 2, tác giả khái quát *cơ sở hình thành và nội dung chính sách về biển của Việt Nam*.

Chính sách về biển được hiểu là tổng thể những sách lược, kế hoạch và biện pháp cụ thể nhằm thực hiện thắng lợi cương lĩnh, đường lối của quốc gia về quản lý, khai thác và sử dụng biển; thực hiện thắng lợi đường lối phát triển kinh tế biển và đảm bảo an ninh-quốc phòng trên biển, hợp tác quốc tế về biển, phân định biển, bảo vệ và gìn giữ môi trường biển mà chiến lược biển hoạch định.

Ngay từ thời kỳ phong kiến, Việt Nam đã có ý thức khá rõ về cương vực biển đảo. Ngoài việc triển khai các hoạt động sử dụng biển truyền thống như đánh bắt, nuôi trồng hải sản và tuần tra trên biển, nội dung chính sách về biển còn thể hiện qua công tác quản lý biển của Nhà nước, qua việc xây dựng lực lượng thủy quân chống giặc ngoại xâm.

Đến giai đoạn 1945-1975, nước Việt Nam dân chủ cộng hoà đã được thành lập, nhưng do hoàn cảnh đất nước chiến tranh nên chính sách về biển chưa được thống nhất, mỗi miền Nam, Bắc thực hiện một chính sách về biển riêng với nhiều điểm khác biệt, không thống nhất. Khi đất nước thống nhất, chính sách về biển được hoạch định và triển khai thực thi từ Bắc vào Nam, bước đầu mang tính toàn diện hơn, cụ thể hơn so với các giai đoạn trước. Những lĩnh vực như đảm bảo an ninh-quốc phòng trên biển, phát triển kinh tế biển được chú trọng hoạch định rõ ràng. Đây là những cơ sở quan trọng cho quá trình triển

khai xây dựng chính sách và thực thi chính sách về biển của Việt Nam.

Bước sang thời kỳ Đổi mới, chính sách về biển của Việt Nam được thể hiện một cách toàn diện và rõ nét trên các nội dung cơ bản như đảm bảo an ninh-quốc phòng trên biển, phát triển kinh tế biển nhanh và bền vững, hợp tác quốc tế về biển, phân định biển, bảo vệ và gìn giữ môi trường biển. Nội dung các chính sách này đã được cụ thể hoá trong việc xây dựng các văn bản chính trị, pháp lý về quản lý, khai thác, sử dụng biển từ văn kiện Đại hội VI đến Đại hội X của Đảng.

Chương 3 phân tích *quá trình triển khai chính sách về biển của Việt Nam trên một số lĩnh vực chủ yếu*.

An ninh-quốc phòng: Trong các lực lượng tham gia quản lý nhà nước về biển, Bộ Quốc phòng giữ vai trò đặc biệt quan trọng với biên chế là Quân chủng Hải quân, lực lượng Cảnh sát biển, Bộ đội Biên phòng, Dân quân tự vệ biển, trong đó Quân chủng Hải quân luôn được xác định là lực lượng nòng cốt trong công tác bảo vệ chủ quyền quốc gia trên các vùng biển và hải đảo. Ngoài nhiệm vụ quan trọng nhất là bảo vệ chủ quyền quốc gia trên các vùng biển và hải đảo, các lực lượng này còn có nhiệm vụ thực thi pháp luật trên biển, bảo đảm quyền qua lại của các phương tiện tàu thuyền nước ngoài, tìm kiếm cứu hộ cứu nạn trên biển.

Phát triển kinh tế biển: Với những lợi thế cơ bản của một quốc gia ven biển, có vùng biển quan trọng về địa kinh tế, địa chính trị, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã đề ra mục tiêu tổng quát là phấn đấu đến năm 2020 trở thành một quốc gia mạnh về biển và làm giàu từ biển; bảo đảm vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia trên biển đảo; kinh tế biển góp phần quan trọng trong

sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Các văn kiện từ Đại hội VI đến Đại hội X của Đảng đã đề ra chủ trương, chính sách về biển, trong đó có định hướng phát triển các vùng biển và hải đảo. Một trong những tư tưởng chỉ đạo quan trọng là phát triển mạnh và phát huy vai trò của kinh tế biển kết hợp với bảo vệ vùng biển. Hướng phát triển tập trung vào các lĩnh vực như khai thác hải sản, khai thác dầu khí, vận tải biển, công nghiệp đóng tàu và du lịch biển đảo. Với những chính sách phù hợp với bối cảnh kinh tế trong nước và quốc tế, các ngành kinh tế biển đã được cơ cấu phong phú hơn, từng bước được đầu tư hiện đại, góp phần khiến kinh tế biển Việt Nam phát triển nhanh, bền vững và có hiệu quả.

Hợp tác quốc tế: Trong thời kỳ Đổi mới, Việt Nam đã tiến hành chính sách hợp tác quốc tế song phương và đa phương trên nhiều lĩnh vực về biển đảo. Trước bối cảnh quốc tế và khu vực như hiện nay, kiềm chế giải quyết xung đột ở biển Đông là quyết sách cơ bản của đất nước nhằm bảo đảm cho vùng biển hoà bình, ổn định, vừa tạo điều kiện cho kinh tế phát triển, vừa đảm bảo an ninh-quốc phòng của các quốc gia trong khu vực nói chung và Việt Nam nói riêng, qua đó phát huy tối đa những lợi thế từ tài nguyên biển. Đối với việc đảm bảo an ninh, an toàn trên biển và bảo vệ môi trường biển, chính sách về biển của Việt Nam cũng thể hiện rất rõ các nội dung này. Hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường biển là một trong những nội dung được quy định trong các công ước quốc tế và pháp luật về bảo vệ môi trường biển của các quốc gia biển, trong đó có Việt Nam. Chính sách hợp tác quốc tế để phát triển kinh tế biển đã được Đảng và Nhà nước ta chú trọng.

Thời gian qua, chúng ta đã tăng cường hợp tác quốc tế trong ứng dụng khoa học-công nghệ phục vụ công tác điều tra cơ bản và dự báo các yếu tố biển, đặc biệt là các yếu tố tự nhiên, tài nguyên, môi trường biển phục vụ phát triển bền vững. Đồng thời, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí, nhất là thăm dò ở các vùng nước sâu xa bờ, các vùng đặc quyền kinh tế.

Phân định biển: Từ năm 1986 đến nay, Việt Nam đã tiến hành đàm phán phân định biển với hầu hết các quốc gia hữu quan trong khu vực biển Đông như Trung Quốc, Philippines, Malaysia, Indonesia, Thailand, Campuchia... Những cuộc đàm phán đã bước đầu góp phần giữ vững môi trường hoà bình, ổn định trong khu vực. Tuy nhiên, công tác phân định biển vẫn chưa được hoàn tất do những bất đồng, mâu thuẫn về chủ quyền biển đảo chưa được giải quyết.

Trên cơ sở những phân tích ở trên, trong chương 4, tác giả đưa ra *một số nhận xét về quá trình triển khai chính sách biển của Việt Nam*.

Chính sách về biển của Việt Nam được hoạch định từ năm 1986 đến 2010 đã góp phần khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với các vùng biển và hải đảo. Cùng với hệ thống cơ sở pháp lý, trong những năm qua, Việt Nam đã từng bước xây dựng lực lượng trên biển đảo vững mạnh, được đầu tư trang bị những phương tiện hiện đại. Đồng thời, các chính sách hợp lý đã tạo điều kiện cho kinh tế biển phát triển nhanh, đảm bảo tính bền vững, qua đó góp phần nâng cao đời sống của nhân dân và khẳng định vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

Việc thực hiện những chính sách trong lĩnh vực an ninh-quốc phòng trên biển đã góp phần đảm bảo chủ quyền và

toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, đảm bảo quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia trên các vùng biển và hải đảo. Các chính sách phát triển kinh tế biển cũng đã góp phần không nhỏ vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Tuy nhiên, quá trình ban hành chính sách về biển của Việt Nam chưa có tính liên tục, còn chậm về thời gian so với tình hình thực tế của đất nước cũng như so với các quốc gia biển trên thế giới và trong khu vực. Đặc biệt, chiến lược biển năm 2007 và Luật Biển cũng chỉ mới được ban hành và thông qua năm 2012. Trong thời kỳ mới, lĩnh vực an ninh-quốc phòng trên biển đảo có lúc, có nơi còn chưa được phối hợp, kiểm tra chặt chẽ; lĩnh vực hợp tác quốc tế về biển chưa thực sự linh hoạt; biên giới trên biển còn nhiều tranh cãi.

Công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và nhân dân về vị trí, vai trò của biển đảo chưa đầy đủ. Công tác nghiên cứu, quy hoạch, quản lý về biển chưa được quan tâm đúng mức. Bên cạnh đó, sự hiểu biết pháp luật về biển và ý thức giữ gìn tài nguyên, môi trường biển của người dân còn chưa cao. Công tác quản lý nhà nước và chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế biển trên một số lĩnh vực còn yếu...

Những thành tựu cũng như hạn chế đó chính là cơ sở để Việt Nam rút ra được những kinh nghiệm quý báu, làm cơ sở cho việc triển khai chính sách về biển một cách phù hợp ở các giai đoạn tiếp theo.

Luận án được bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án cấp Học viện, họp tại Học viện Khoa học xã hội năm 2013.

HOÀI PHÚC
giới thiệu